

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **01/2024/HS-PT**

Ngày: 05-11-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phương.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Hòa.

Bà Đỗ Thu Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Hạnh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Bà Thiều Thị Thùy Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 01/2024/TLPT-HS ngày 01 tháng 10 năm 2024 đối với bị cáo Lù Thị T, do có kháng cáo của bị cáo Lù Thị T đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 16/2024/HS-ST ngày 13 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã M, tỉnh Điện Biên.

- Bị cáo có kháng cáo:

Lù Thị T, sinh ngày 16/3/1976, tại huyện N, tỉnh Lai Châu. Nơi cư trú: Bản Chợ, xã L, huyện N, tỉnh Lai Châu; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 01/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lù Văn Vân, sinh năm 1935 và con bà Lò Thị Ẻng, sinh năm 1943; có chồng là Đỗ Mạnh Thắng, sinh năm 1959 (Đã ly hôn năm 2022) và có 02 người con; con lớn sinh năm 2001, con nhỏ sinh năm 2012; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa bị kết án và chưa bị xử phạt vi phạm hành chính. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/01/2024 đến ngày 08/02/2024, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bảo lãnh từ ngày 08/02/2024 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 06/01/2024, Lù Thị T đang ở nhà tại bản C, xã L, huyện N, tỉnh Lai Châu thì có 01 người đàn ông và 01 người phụ nữ dân tộc Thái không quen biết đến hỏi T có mua Heroine không, do muốn mua Heroine về để bán lẻ kiếm lời nên T đã đồng ý. Qua trao đổi, Lù Thị T mua được 01 gói Heroine với số tiền 5.700.000 đồng. Sau đó, Lù Thị T đã chia số Heroine mua được thành 22 gói

nhỏ, gói bằng nilon màu đen rồi cất giấu toàn bộ vào trong ống cao su dưới mái hiên trước nhà để bán lẻ kiếm lời.

Điều Văn D, Điều Văn K đều là những người nghiện ma túy và cùng làm thu gom, chở đá đen bằng thuyền. Ngày 14/01/2024 Điều Văn D rủ Điều Văn K cùng tạm ứng số tiền 01 triệu đồng từ chủ thu mua đá là anh Lưu Phú Đ để chi phí đi lại, ăn uống khi thu gom đá. Sau khi ứng được tiền D đưa cho K 500.000 đồng để mua dầu chạy thuyền và thức ăn, còn 500.000 đồng D bảo để mua Heroine cho cả hai cùng sử dụng. Khoảng 09 giờ ngày 16/01/2024, D rủ K đi lên khu vực bản C, xã L, huyện N, tỉnh Lai Châu để tìm mua Heroine về sử dụng. Khi đến bản C, K ngồi trông thuyền còn D đi bộ lên nhà bị cáo Lù Thị T, gặp T và hỏi được 02 gói Heroine được gói chung bằng mảnh nilon màu đen với số tiền 500.000 đồng. D cất gói Heroine vào túi áo khoác đang mặc trên người rồi xuống thuyền cùng K chạy thuyền về bờ sông thuộc tổ 01, phường S, thị xã M, tỉnh Điện Biên. Buộc thuyền neo đậu xong, D mới gói Heroine ra lấy 01 (một) gói rồi dùng dao lam cắt thành 02 phần để chia nhau sử dụng, còn 01 gói D bảo với K là để dành sử dụng sau và cất lại vào túi áo khoác treo ở mũi thuyền. D sử dụng Heroine luôn trên thuyền bằng hình thức hít. Còn K gói lại phần Heroine được chia cất vào túi quần đang mặc rồi đem về nhà sử dụng (hít) hết. Đến 11 giờ, D và K tiếp tục chuyển nốt đá rồi quay về thuyền ăn, nghỉ trưa tại bờ sông thuộc tổ 1, phường S, thị xã M, tỉnh Điện Biên. Hồi 13 giờ 30 phút cùng ngày, tổ công tác Công an thị xã M, tỉnh Điện Biên tiến hành kiểm tra hành chính đã phát hiện, bắt quả tang D và K cất giấu trong túi áo khoác màu đen (áo của Điều Văn D) treo ở mũi thuyền 01 gói nilon màu đen, bên trong có chứa 0,208 gam Heroine.

Hồi 19 giờ 05 phút ngày 16/01/2024, cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã M tiến hành khám xét khẩn cấp người và chỗ ở đối với Lù Thị T, phát hiện dưới mái hiên nhà có cất giấu 01 ống cao su hình trụ, rỗng hai đầu, màu đen, có đường kính 07cm, dài 19cm, bên trong có 20 gói bọc nilon đen bên trong có chứa các cục chất bột màu trắng dạng nén nghi là Heroine, tổng khối lượng 4,36 gam. Lù Thị T thừa nhận khoảng 09 giờ 00 phút ngày 16/01/2024 đã bán cho Điều Văn D 02 gói Heroine, thu được số tiền 500.000 đồng nhưng đã chi tiêu hết 270.000 đồng, còn lại 230.000 đồng.

Cơ quan điều tra đã ra quyết định trưng cầu giám định, tại Bản kết luận giám định số: 288/KL-PC09 ngày 23/01/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Điện Biên kết luận: *Vật chứng thu giữ của Lù Thị T có ký hiệu từ M1 đến M20, có tổng khối lượng 4,36 gam là chất ma túy. Loại Heroine.*

Tại bản Kết luận giám định số 282/KL-KTHS ngày 22/01/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên kết luận: 09 (chín) tờ tiền gửi giám định gồm: 03 (ba) tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng; 02 (hai) tờ tiền mệnh giá 20.000 đồng và 04 tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng là tiền thật.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 16/2024/HS-ST ngày 13/8/2024 của Tòa án nhân dân thị xã M, tỉnh Điện Biên đã quyết định:

1. Tuyên bố: Bị cáo Lù Thị T phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Căn cứ khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự, tuyên bố bị cáo Lù Thị T phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 251, Điều 38, điểm s, t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lù Thị T 03 (ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án tại trại và được khấu trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam là 24 ngày. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Ngoài ra bản án còn tuyên về phần xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo của bị cáo, người tham gia tố tụng.

Sau khi tuyên án, ngày 28/8/2024 bị cáo Lù Thị T có đơn kháng cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 16/2024/HS-ST ngày 13/8/2024 của Tòa án nhân dân thị xã M, tỉnh Điện Biên, với nội dung: Xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, cho bị cáo được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Lù Thị T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Bản án sơ thẩm đã tuyên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, bị cáo không bị oan sai. Bị cáo Lù Thị T giữ nguyên kháng cáo và xin Hội đồng xét xử phúc thẩm cho bị cáo được hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên duy trì quyền công tố xét thấy: Bị cáo Lù Thị T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Bản án sơ thẩm đã tuyên là đúng hành vi phạm tội của bị cáo. Tại giai đoạn sơ thẩm, bị cáo đã được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm s, t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo Lù Thị T đã cung cấp thêm Giấy chứng nhận tham gia dân công hỏa tuyến của ông Lù Văn V (bố đẻ bị cáo T) và Giấy xác nhận của chính quyền địa phương về hoàn cảnh kinh tế, gia đình của bị cáo, nên bị cáo T được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tòa án nhân dân thị xã M xử phạt bị cáo 03 năm tù giam về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo quy định tại khoản 1 Điều 51 BLHS là có căn cứ.

Do đó, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự: Không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị cáo Lù Thị T, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 16/2024/HS-ST ngày 13/8/2024 của Tòa án nhân dân thị xã M, tỉnh Điện Biên về phần hình phạt của bị cáo Lù Thị T.

Về án phí phúc thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Lù Thị T phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hình thức: Do không đồng ý với Bản án hình sự sơ thẩm số 16/2024/HS-ST ngày 13/8/2024 của Tòa án nhân dân thị xã M, tỉnh Điện Biên, ngày 28/8/2024 bị cáo Lù Thị T đã làm đơn kháng cáo đề nghị xem giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo, theo quy định tại Điều 331, Điều 332, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo đã làm đơn trong hạn luật định nên được coi là hợp lệ.

[2] Xét nội dung kháng cáo: Bị cáo Lù Thị T đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo được hưởng án treo.

Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện tài liệu chứng cứ, ý kiến của Viện kiểm sát và lời khai của bị cáo. Sau khi kiểm tra xem xét toàn bộ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, lời khai nhận tội của bị cáo tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm thể hiện: Bị cáo Lù Thị T đã có hành vi cất giấu dưới mái hiên nhà 4,36 gam Heroine nhằm mục đích để bán lẻ kiếm lời. Khoảng 09 giờ ngày 16/01/2024 T đã bán cho Điều Văn D 0,208 gam Heroine với số tiền 500.000 đồng.

Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên bố bị cáo Lù Thị T phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo khoản 1 Điều 251 của Bộ luật Hình sự là đúng người đúng tội, đúng quy định của pháp luật, bị cáo không bị oan sai.

Về việc bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo được hưởng án treo, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng khoản 1 Điều 251, điểm s, t khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lù Thị T 03 (Ba) năm tù về hành vi mua bán trái phép chất ma túy là có căn cứ, đúng pháp luật, phù hợp với tính chất mức độ hành vi bị cáo đã gây ra.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Lù Thị T đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo T còn tích cực hợp tác với Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã M giúp phát hiện thêm tội phạm mới. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo Lù Thị T đã cung cấp thêm Giấy chứng nhận tham gia dân công hỏa tuyến của ông Lù Văn V (bố đẻ bị cáo T) và Giấy xác nhận của chính quyền địa phương về hoàn cảnh kinh tế, hoàn cảnh gia đình của bị cáo; do đó được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Như vậy, bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 và tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Xét thấy, đề nghị của kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên giữ nguyên bản án liên quan đến bị cáo Lù Thị T là có căn cứ. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy bị cáo T có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, bản thân bị cáo đang phải trực tiếp nuôi con nhỏ do vợ chồng bị cáo đã ly hôn vào năm 2022, bị cáo là lao động chính trong gia đình, bị cáo có sức khỏe yếu, bản thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Để tạo điều kiện cho bị cáo học tập, lao động trong cộng đồng xã hội và cũng thể hiện chính sách giáo dục

hơn trừng trị của pháp luật hình sự Việt Nam đối với người phạm tội. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 1, Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo; áp dụng khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự phạt tù cho bị cáo hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách để bị cáo có điều kiện làm ăn sinh sống, nuôi bản thân và gia đình. Vì vậy, chấp nhận kháng cáo của bị cáo T xin được hưởng án treo.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng khoản 1 Điều 251, điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự; sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số: 16/2024/HS-ST ngày 13/8/2024 của Tòa án nhân dân thị xã M, tỉnh Điện Biên, giữ nguyên mức hình phạt tù đối với bị cáo Lù Thị T, cho bị cáo hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

[3] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã M, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã M, Kiểm sát viên, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã M trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện theo đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra truy tố và tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[4] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí: Yêu cầu kháng cáo của bị cáo Lù Thị T được chấp nhận. Áp dụng khoản 2 Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Lù Thị T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

1. Chấp nhận nội dung kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Lù Thị T.

Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số: 16/2024/HS-ST ngày 13/8/2024 của Tòa án nhân dân thị xã M, tỉnh Điện Biên về phần hình phạt đối với bị cáo Lù Thị T như sau:

2. Về tội danh: Căn cứ khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự: Tuyên bố bị cáo Lù Thị T phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

3. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 251; Điều 38; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Lù Thị T 03 (*Ba*) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (*Năm*) năm. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 05/11/2024).

Giao bị cáo Lù Thị T cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện N, tỉnh Lai Châu giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách, gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự hai lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo Lù Thị T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm số 16/2024/HS-ST ngày 13/8/2024 của Tòa án nhân dân thị xã M, tỉnh Điện Biên không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 05/11/2024).

Nơi nhận:

- TAND tối cao (Vụ Giám đốc kiểm tra I);
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- VKSND thị xã M, tỉnh Điện Biên;
- TAND thị xã M, tỉnh Điện Biên;
- Công an thị xã M, tỉnh Điện Biên;
- Chi cục THADS thị xã M, tỉnh Điện Biên;
- Bị cáo Lù Thị T;
- Phòng Hành chính Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(*Đã ký*)

Nguyễn Văn Phương